

## Mùa hè

## Phá vỡ

tháng 7 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         | 1      | 2      | 3       | 4       | 5       |
| 6        | 7       | 8      | 9      | 10      | 11      | 12      |
| 13       | 14      | 15     | 16     | 17      | 18      | 19      |
| 20       | 21      | 22     | 23     | 24      | 25      | 26      |
| 27       | 28      | 29     | 30     | 31      |         |         |

tháng 8 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        |        |         | 1       | 2       |
| 3        | 4       | 5      | 6      | 7       | 8       | 9       |
| 10       | 11      | 12     | 13     | 14      | 15      | 16      |
| 17       | 18      | 19     | 20     | 21      | 22      | 23      |
| 24       | 25      | 26     | 27     | 28      | 29      | 30      |
| 31       |         |        |        |         |         |         |

### 13,5 ngày học sinh/17 ngày giáo viên

1 tháng 8 - Chứng nhận mới về Giáo dục đặc

biệt 4-6 tháng 8 - Chứng nhận mới

7 tháng 8 - Toàn thể nhân viên bắt đầu

12 tháng 8 - Ngày đầu tiên đến trường

1/2 ngày - Lớp K-7 & 9

Không có trường học - Lớp 8 & 10 - Lớp 12

Giờ tan học sớm K-6: 11:40 sáng

7 Phát hành sớm: 11:00 sáng

9 Phát hành sớm: 1:00 chiều

tháng 9 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          | 1       | 2      | 3      | 4       | 5       | 6       |
| 7        | 8       | 9      | 10     | 11      | 12      | 13      |
| 14       | 15      | 16     | 17     | 18      | 19      | 20      |
| 21       | 22      | 23     | 24     | 25      | 26      | 27      |
| 28       | 29      | 30     |        |         |         |         |

tháng 10 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        | 1      | 2       | 3       | 4       |
| 5        | 6       | 7      | 8      | 9       | 10      | 11      |
| 12       | 13      | 14     | 15     | 16      | 17      | 18      |
| 19       | 20      | 21     | 22     | 23      | 24      | 25      |
| 26       | 27      | 28     | 29     | 30      | 31      |         |

### 21 Ngày Sinh Viên

22 Ngày của Giáo viên

10 tháng 10 - Nghỉ học

13 tháng 10 - Không có trường học

Phát triển nhân viên &

Trợ lý chuyên nghiệp

Hội nghị

### 19 Ngày Sinh Viên

21 Ngày của Giáo viên

Ngày 1 tháng 9 - Nghỉ học

Ngày Lao động

Ngày 2 tháng 9 - Nghỉ học

Phát triển nhân viên

22 tháng 9 - Nghỉ học

Phát triển nhân viên

### 16 Ngày của học sinh E & 17 S

18 Ngày của Giáo viên

Ngày 3 tháng 11 - Không có trường học

Giáo viên tiểu học

Ngày phát triển nhân viên

26 tháng 11 - Không có trường học

Phát triển nhân viên

Ngày giao dịch

27 & 28 tháng 11 - Không có trường học

Kỳ nghỉ thu

tháng 11 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        |        |         |         | 1       |
| 2        | 3       | 4      | 5      | 6       | 7       | 8       |
| 9        | 10      | 11     | 12     | 13      | 14      | 15      |
| 16       | 17      | 18     | 19     | 20      | 21      | 22      |
| 23       | 24      | 25     | 26     | 27      | 28      | 29      |
| 30       |         |        |        |         |         |         |

tháng 12 năm 2025

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          | 1       | 2      | 3      | 4       | 5       | 6       |
| 7        | 8       | 9      | 10     | 11      | 12      | 13      |
| 14       | 15      | 16     | 17     | 18      | 19      | 20      |
| 21       | 22      | 23     | 24     | 25      | 26      | 27      |
| 28       | 29      | 30     | 31     |         |         |         |

### 15 ngày của sinh viên

15 Ngày của Giáo viên

19 tháng 12 - Kết thúc học kỳ 1

17 - 19 tháng 12 - Trung học phổ thông

Kỳ thi cuối kỳ

22 - 31 tháng 12 - Không có trường học

Kỳ nghỉ đông

tháng 1 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        |        | 1       | 2       | 3       |
| 4        | 5       | 6      | 7      | 8       | 9       | 10      |
| 11       | 12      | 13     | 14     | 15      | 16      | 17      |
| 18       | 19      | 20     | 21     | 22      | 23      | 24      |
| 25       | 26      | 27     | 28     | 29      | 30      | 31      |

tháng 2 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          | 1       | 2      | 3      | 4       | 5       | 6       |
| 7        | 8       | 9      | 10     | 11      | 12      | 13      |
| 14       | 15      | 16     | 17     | 18      | 19      | 20      |
| 21       | 22      | 23     | 24     | 25      | 26      | 27      |
| 28       | 29      | 30     | 31     |         |         |         |

### 18 Ngày của học sinh E & 19 S

20 Ngày của Giáo viên

6 tháng 2 - Không có trường học

Giáo viên tiểu học

Ngày phát triển nhân viên

16 tháng 2 - Nghỉ học

Phát triển nhân viên &

Hội nghị bán chuyên nghiệp

Ngày có thể trang điểm

tháng 3 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
| 1        | 2       | 3      | 4      | 5       | 6       | 7       |
| 8        | 9       | 10     | 11     | 12      | 13      | 14      |
| 15       | 16      | 17     | 18     | 19      | 20      | 21      |
| 22       | 23      | 24     | 25     | 26      | 27      | 28      |
| 29       | 30      | 31     |        |         |         |         |

tháng 4 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        | 1      | 2       | 3       | 4       |
| 5        | 6       | 7      | 8      | 9       | 10      | 11      |
| 12       | 13      | 14     | 15     | 16      | 17      | 18      |
| 19       | 20      | 21     | 22     | 23      | 24      | 25      |
| 26       | 27      | 28     | 29     | 30      |         |         |

### 20 ngày của sinh viên

21 Ngày của Giáo viên

Ngày 3 tháng 4 - Nghỉ học

Ngày có thể trang điểm

6 tháng 4 - Nghỉ học

Phát triển nhân viên

Ngày có thể trang điểm

tháng 5 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          |         |        |        |         | 1       | 2       |
| 3        | 4       | 5      | 6      | 7       | 8       | 9       |
| 10       | 11      | 12     | 13     | 14      | 15      | 16      |
| 17       | 18      | 19     | 20     | 21      | 22      | 23      |
| 24       | 25      | 26     | 27     | 28      | 29      | 30      |
| 31       |         |        |        |         |         |         |

tháng 6 năm 2026

| Chủ nhật | Thứ hai | Thứ ba | Thứ tư | Thứ năm | Thứ sáu | Thứ bảy |
|----------|---------|--------|--------|---------|---------|---------|
|          | 1       | 2      | 3      | 4       | 5       | 6       |
| 7        | 8       | 9      | 10     | 11      | 12      | 13      |
| 14       | 15      | 16     | 17     | 18      | 19      | 20      |
| 21       | 22      | 23     | 24     | 25      | 26      | 27      |
| 28       | 29      | 30     |        |         |         |         |

## Nghỉ hè

Ngày được chứng nhận mới

Không có học sinh và nhân viên trường học

Học sinh nghỉ học (Ngày phát triển nhân viên)

Ngày đầu tiên và ngày cuối cùng đến trường

Không có trường học Học sinh tiểu học

Ngày thi trung học

Ngày cuối cùng của người cao tuổi

Có thể có ngày học bù

Ngày học bù có thể dành cho người cao tuổi

Tiểu học (K-6): 8:05 sáng - 3:05 chiều Học kỳ

1: 84,5 ngày

Học kỳ 2: 88,5 ngày = 173 ngày

Trường trung học cơ sở (7-8): 8:00 sáng - 3:10 chiều

Trường trung học cơ sở bắt đầu lúc 8:20

sáng thứ tư hàng tuần

Học kỳ 1: 85,5 ngày

Học kỳ 2: 89,5 ngày = 175 ngày

Trường học phổ thông: 8:00 sáng - 3:20 chiều

Các trường trung học bắt đầu lúc 8:20

sáng thứ tư hàng tuần

Học kỳ 1: 85,5 ngày Học kỳ

2: 89,5 ngày = 175 ngày

Lịch phản ánh 187 ngày trong tổng số 190 ngày học đồng của giáo viên. Lịch không hiển thị 3 ngày có lịch dự phòng cho Hội nghị Phụ huynh & Kế hoạch học tập.